ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NAM AN AN PHỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1816/UBND-TTPVHCC V/v danh sách 83 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	*Nam An Phụ, ngày 19 tháng 10 năm 2026*

Kính gửi: Các phòng, trung tâm, đơn vị thuộc xã.

Thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ quy định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công rà soát danh mục 83 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu *(gửi kèm theo)*.

Để đảm bảo việc thực hiện Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP đúng theo quy định, đạt chỉ tiêu khai thác dữ liệu; Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các phòng, trung tâm, đơn vị thuộc phường:

Căn cứ danh mục TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; khi có hồ sơ phát sinh phải tra cứu và sử dụng dữ liệu điện tử đã được tích hợp.

Uỷ ban nhân dân xã thông báo cho các đơn vị biết, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Các phòng chuyên môn;
- Các Trung tâm: PVHCC, TTDVSNC
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
K.T. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Trung Kiên

PHỤ LỤC

Danh mục 83 TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu

A. TTHC có thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu theo Phụ lục I Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP (68 TTHC)

A.1. Lĩnh vực hộ tịch (41 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
1	1.000080	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
2	1.000094	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
3	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
4	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
5	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
6	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
7	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
8	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
9	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
10	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
11	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
12	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
13	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
		cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)		
14	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
15	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
16	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
17	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
18	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
19	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
20	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
21	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
22	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
23	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
24	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
25	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
26	1.004827	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
27	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
28	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
29	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
		định lại dân tộc		
30	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
31	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
32	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
33	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
34	1.005461	Thủ tục đăng ký lại khai tử	Căn cước; Giấy chứng tử	CSDL quốc gia về dân cư; CSDL hộ tịch điện tử
35	3.000323	Thủ tục đăng ký giám sát việc giám hộ	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
36	3.000322	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
37	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
38	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
39	1.000110	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư; CSDL hộ tịch điện tử
40	2.001023	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư
41	2.000986	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Căn cước	CSDL quốc gia về dân cư

A.2. Lĩnh vực nuôi con nuôi (4 TTHC)

STT			Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
42			2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi	Căn cước	CSDL quốc

STT			Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
				việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		gia về dân cư
43			1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Căn cước; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	CSDL quốc gia về dân cư; CSDL hộ tịch điện tử
44			2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân; Căn cước	CSDL hộ tịch điện tử; CSDL quốc gia về dân cư
45			2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Căn cước; Văn bản xác nhận tình trạng hôn nhân	CSDL quốc gia về dân cư; CSDL hộ tịch điện tử

A.3. Lĩnh vực quốc tịch (1 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
46	2.002036	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Giấy khai sinh	CSDL hộ tịch điện tử

A.4. Lĩnh vực chứng thực (6 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
47	2.000908	Cấp bản sao từ sổ gốc	Giấy khai sinh, giấy đăng ký kết hôn (giấy tờ chứng minh quan hệ của người yêu cầu với người được cấp bản chính)	CSDL hộ tịch điện tử
48	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	CSDL quốc gia về đất đai
49	2.001019	Chứng thực di chúc	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	CSDL quốc gia về đất đai
50	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp giao dịch liên quan đến tài sản đó	CSDL quốc gia về đất đai
51	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	CSDL quốc gia về đất đai
52	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó	CSDL quốc gia về đất đai

A.5. Lĩnh vực đăng ký biện pháp bảo đảm (03 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
53	1.011441	Thủ tục Đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	CSDL quốc gia về đất đai
54	1.011442	Thủ tục Đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	CSDL quốc gia về đất đai
55	1.011443	Thủ tục Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất,	Giấy chứng nhận quyền sử dụng	CSDL quốc gia về

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
		tài sản gắn liền với đất	đất	đất đai

A.6. Lĩnh vực thi hành án dân sự (05 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
56	1.003091	Yêu cầu thi hành án (cấp tỉnh)	Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân	CSDL quốc gia về dân cư
57	1.002270	Xác nhận kết quả thi hành án (cấp tỉnh)	Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân	CSDL quốc gia về dân cư
58	1.002548	Đề nghị miễn, giảm phí thi hành án (cấp tỉnh)	Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân	CSDL quốc gia về dân cư
59	1.003009	Đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án (cấp tỉnh)	Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân	CSDL quốc gia về dân cư
60	1.003201	Yêu cầu thay đổi Chấp hành viên (cấp tỉnh)	Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân	CSDL quốc gia về dân cư

A.7. Lĩnh vực trợ giúp pháp lý (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
61	2.000829	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu (không áp dụng đối với trẻ em là người nước ngoài và người không quốc tịch)	CSDL hộ tịch điện tử; CSDL quốc gia về dân cư

A.8. Lĩnh vực bồi thường nhà nước (02 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
62	2.002192	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp tỉnh	Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại (Giấy khai sinh, Căn cước công dân hoặc căn cước)	CSDL quốc gia về dân cư; CSDL hộ tịch điện tử
63	2.002165	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại cấp xã	Giấy tờ chứng minh nhân thân của người bị thiệt hại (Giấy khai sinh, Căn cước công dân hoặc căn cước)	CSDL quốc gia về dân cư; CSDL hộ tịch điện tử

A.9. Lĩnh vực hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
64	1.005464	Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

A.10. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
65	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở	Giấy chứng tử	CSDL hộ tịch điện tử

A.11. Lĩnh vực quản tài viên (02 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
66	1.001842	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp
67	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp

A.12. Lĩnh vực công chứng (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
68	1.013803	Bổ nhiệm Công chứng viên	Bảo hiểm xã hội	CSDL quốc gia về bảo hiểm

B. TTHC được tái cấu trúc, khai thác cơ sở dữ liệu mới công bố (15 TTHC)

B.1. Lĩnh vực luật sư (04 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
69	1.000828	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư	Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật	CSDL ngành giáo dục và đào tạo
70	1.000688	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư	Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật	CSDL ngành giáo dục và đào tạo
71	1.008624	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư	Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật	CSDL ngành giáo dục và đào tạo
72	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

B.2. Lĩnh vực tư vấn pháp luật (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
73	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Bằng cử nhân luật hoặc Bằng thạc sỹ luật	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

B.3. Lĩnh vực chứng thực (02 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
74	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Bằng cử nhân (đại học) ngoại ngữ trở lên hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với thứ tiếng nước ngoài cần dịch	CSDL ngành giáo dục và đào tạo
75	2.000975	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự	Bằng cử nhân (đại học) ngoại ngữ trở lên hoặc bằng tốt nghiệp đại học trở lên đối với thứ tiếng nước ngoài	CSDL ngành giáo dục và đào

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
			cần dịch	tạo

B.4. Lĩnh vực quản tài viên (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
76	2.001130	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là công dân Việt Nam	Bằng cử nhân hoặc thạc sĩ hoặc tiến sĩ đối với người có trình độ cử nhân luật, kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

B.5. Lĩnh vực đấu giá tài sản (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
77	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Bằng tốt nghiệp từ đại học trở lên thuộc một trong các ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

B.6. Lĩnh vực hòa giải thương mại (02 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
78	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Bằng tốt nghiệp đại học trở lên của các sáng lập viên	CSDL ngành giáo dục và đào tạo
79	1.009284	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng sau đại học	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

B.7. Lĩnh vực trọng tài thương mại (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
80	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Bằng tốt nghiệp đại học của các sáng lập viên	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

B.8. Lĩnh vực nuôi con nuôi (02 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
81	1.005133	Cấp Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ sở giáo dục, đào tạo của Việt Nam cấp	CSDL ngành giáo dục và đào tạo
82	1.003236	Sửa đổi Giấy phép hoạt động của tổ chức con nuôi nước ngoài tại Việt Nam	Văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn của người dự kiến đứng đầu Văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam do cơ sở giáo dục, đào tạo của Việt Nam cấp	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

B.9. Lĩnh vực quốc tịch (01 TTHC)

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu	Cơ sở dữ liệu khai thác
83	2.002039	Nhập quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt	CSDL ngành giáo dục và đào tạo

Tổng cộng: 83 TTHC (A: 68 TTHC; B: 15 TTHC).